

Số: /BC-UBND

Ninh Sơn, ngày tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2024

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và Kế hoạch số 5609/KH-UBND ngày 29/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh,

Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn đã ban hành Kế hoạch số 413/KH-UBND ngày 04/12/2024 về triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị năm 2024.

Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2024, như sau:

1. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập theo thẩm quyền:

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LIỆU
I	Kết quả kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2023 (Số liệu kê khai tính trong thời kỳ từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024. Số liệu công khai tính trong thời kỳ từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 và không bao gồm kết quả công khai các bản kê khai của các năm trước và sau năm 2024)		
1	Số người đã kê khai TSTN lần đầu	Người	34
2	Số người đã kê khai TSTN hằng năm	Người	206
3	Số người đã kê khai TSTN bổ sung	Người	18
4	Số người đã kê khai TSTN phục vụ công tác cán bộ	Người	39
5	Tổng số người đã được công khai bản KKTS	Người	297
5.1	Số người đã công khai bản KKTS bằng hình thức niêm yết	Người	157
5.2	Số bản kê khai công khai bằng hình thức công bố tại cuộc họp	Người	140
5.3	Số bản kê khai tài sản, thu nhập đã được bàn giao cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập (Thanh tra tỉnh)	Bản KK	57
5.4	Số bản kê khai tài sản, thu nhập đã được bàn	Bản KK	219

	giao cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập (Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy và huyện ủy)		
II	Kết quả xác minh tài sản, thu nhập năm 2024 (số liệu tính từ ngày 08/02/2024 đến ngày 31/12/2024)		
6	Tổng số người đã tiến hành xác minh trong kỳ. Trong đó:	Người	23
6.1	Số người được xác minh ngẫu nhiên theo kế hoạch của năm 2024	Người	23 ¹
6.2	Số người được xác minh thuộc trường hợp khác	Người	0
7	Số người đã ban hành kết luận xác minh (năm 2024)	Người	23
7.1	Số người chưa ban hành kết luận xác minh	Người	0
8	Tổng số người đã có kết luận là không trung thực trong việc kê khai tài sản, thu nhập hoặc không trung thực trong việc giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm hoặc có hành vi vi phạm trong việc kê khai tài sản, thu nhập trong đó có ít nhất 01 hành vi không trung thực nêu trên.	Người	0
9	Số người có kết luận về những vi phạm, sai sót khác như kê khai sai mẫu, chưa đảm bảo theo hướng dẫn, không đầy đủ thông tin, thiếu chính xác về số liệu, thông tin kê khai, chậm thời hạn quy định... (nhưng không bị kết luận là không trung thực trong việc kê khai tài sản, thu nhập hoặc không trung thực trong việc giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm)	Người	0
III	Kết quả xử lý vi phạm trong công tác kê khai tài sản, thu nhập		
10	Số người bị xử lý do không trung thực trong việc kê khai tài sản, thu nhập và giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm	Người	0
10.1	Xóa tên khỏi danh sách những người ứng cử	Người	0
10.2	Không được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phê chuẩn, cử vào chức vụ đã dự kiến	Người	0
10.3	Kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo	Người	0
10.4	Kỷ luật bằng hình thức hạ bậc lương	Người	0
10.5	Kỷ luật bằng hình thức giáng chức	Người	0
10.6	Kỷ luật bằng hình thức cách chức	Người	0
10.7	Kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc hoặc bãi nhiệm	Người	0

¹ Thanh tra tỉnh xác minh 01 trường hợp; UBKT Huyện ủy xác minh 22 trường hợp.

11	Số người bị xử lý kỷ luật do có những vi phạm khác trong công tác kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
----	-----------------------------------------------------------------------------------------------	-------	---

2. Đánh giá chung

a) Ưu điểm:

- Cơ quan Thanh tra huyện đã chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân huyện kịp thời triển khai công tác kê khai tài sản, thu nhập của năm 2024; hướng dẫn gián tiếp (bằng văn bản) và trực tiếp cho các cơ quan đơn vị; thường xuyên theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện việc kê khai đảm bảo theo quy định.

- Công tác kê khai tài sản, thu nhập được hầu hết các cơ quan, tổ chức, đơn vị nghiêm túc tổ chức thực hiện; việc kê khai và công khai bản kê khai được thực hiện theo đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định và hoàn thành đúng thời gian yêu cầu.

b) Hạn chế, tồn tại, khó khăn, vướng mắc:

- Do giai đoạn cuối năm, tổ chức tổng kết, đánh giá đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, nên việc kê khai tài sản, thu nhập ở một số đơn vị còn chậm trễ.

- Do nghiên cứu chưa kỹ hướng dẫn kê khai tài sản, thu nhập, nên việc kê khai còn tình trạng sai sót, nhầm lẫn, thông tin về tài sản chưa đầy đủ.

- Một số cơ quan, đơn vị lập Báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập chưa đúng theo mẫu gửi kèm Kế hoạch của UBND huyện.

- Vẫn còn trường hợp kê khai tài sản, thu nhập chưa đúng theo mẫu, chưa đúng theo hướng dẫn tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ, Văn bản số 953/TTr-TTT ngày 30/9/2023 của Thanh tra tỉnh và Kế hoạch số 413/KH-UBND ngày 04/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện.

c) Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại, khó khăn, vướng mắc:

- Người được phân công phụ trách tham mưu công tác kê khai tài sản, thu nhập ở một số cơ quan, đơn vị còn hơi hợt, chưa nghiên cứu kỹ hướng dẫn tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ, Văn bản số 953/TTr-TTT ngày 30/9/2023 của Thanh tra tỉnh và Kế hoạch số 413/KH-UBND ngày 04/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện.

- Một số người kê khai chưa xem trọng việc kê khai tài sản, thu nhập, nên chỉ kê khai hình thức.

d) Giải pháp kinh nghiệm để chủ động khắc phục những hạn chế, tồn tại, khó khăn, vướng mắc: Không có.

3. Kiến nghị, đề xuất:

a) Những vấn đề, nội dung cần quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể hoặc sửa đổi, bổ sung:

* Liên quan đến tài sản kê khai là xe mô tô, xe gắn máy (tại tiểu mục 7.1 phần II của Bản kê khai tài sản, thu nhập):

Hiện nay đang có 02 cách hiểu khác nhau, trong khi Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ chưa hướng dẫn cụ thể về nội dung này. Cụ thể như sau:

- Cách hiểu thứ nhất: Trường hợp 01 chiếc xe gắn máy có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên thì mới phải kê khai, nếu dưới 50 triệu đồng thì không phải kê khai.

Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A có 01 chiếc xe mô tô, trị giá 60 triệu đồng → ông A có nghĩa vụ phải kê chiếc xe mô tô vào tiểu mục 7.1 phần II của Bản kê khai. Ngược lại, chiếc xe mô tô đó trị giá 40 triệu đồng → ông A không có nghĩa vụ phải kê chiếc xe mô tô vào tiểu mục 7.1 phần II của Bản kê khai.

- Cách hiểu thứ hai: Trường hợp người kê khai, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên của người kê khai sở hữu các xe mô tô, xe gắn máy mà cộng dồn lại từ 50 triệu đồng trở lên mới phải kê khai.

Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A sở hữu 01 chiếc xe mô tô, trị giá 30 triệu đồng, vợ ông A sở hữu 01 chiếc xe mô tô giá 35 triệu đồng → ông A có nghĩa vụ phải kê chiếc xe mô tô vào tiểu mục 7.1 phần II của Bản kê khai (lý do: tổng giá trị của 02 chiếc xe mô tô của ông A và vợ ông A là 65 triệu đồng).

* Liên quan đến giải trình biến động tài sản, thu nhập đối với phần “Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai” (tại mục 9 phần III của Bản kê khai):

Hiện nay vẫn còn tồn tại 02 cách hiểu khác nhau, trong khi Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ chưa hướng dẫn cụ thể về nội dung này. Cụ thể như sau:

- Cách hiểu thứ nhất: Trường hợp tổng thu nhập trong kỳ kê khai không có biến động hoặc có biến động dưới 50 triệu đồng (đối với đối tượng thuộc diện kê khai hàng năm), dưới 300 triệu đồng (đối với đối tượng thuộc diện kê khai bổ sung) so với lần kê khai liền kề trước đó, thì không phải giải trình vào mục 9 phần III của Bản kê khai.

- Cách hiểu thứ hai: Tổng thu nhập là số tiền phát sinh trong kỳ kê khai. Do đó, trường hợp tổng thu nhập trong kỳ kê khai của người kê khai, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên của người kê khai tăng hoặc giảm từ 50 triệu (đối với đối tượng thuộc diện kê khai hàng năm), từ 300 triệu đồng (đối với đối tượng thuộc diện kê khai bổ sung), thì điều phải được giải trình vào mục 9 phần III của Bản kê khai.

Ví dụ: Tổng thu nhập của ông Nguyễn Văn A trong kỳ kê khai là 400 triệu đồng. Lần kê khai trước, tổng thu nhập của ông A là 360 triệu đồng. Nếu hiểu theo cách thứ nhất, thì ông A không phải giải trình biến động thu nhập vào mục 9 phần III của Bản kê khai (do chênh lệch 40 triệu đồng). Tuy nhiên, nếu hiểu theo cách thứ hai, thì ông A có trách nhiệm giải trình toàn bộ số tiền 400 triệu đồng vào mục 9 phần III của Bản kê khai.

Việc Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ chưa hướng dẫn cụ thể về các nội dung nêu trên, đã dẫn đến tình trạng kê khai không có sự thống nhất, kê khai theo cảm tính. Từ đó, gây khó khăn cho công tác kiểm soát tài sản, thu nhập.

b) Những nội dung kiến nghị khác nhằm khắc phục hạn chế, tồn tại, khó khăn, vướng mắc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả kiểm soát tài sản, thu nhập: *Không có.*

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2024 (kèm theo Phụ lục 01, 02, 03)/.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- TT: Huyện ủy, HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PTC UBND huyện;
- UBKT Huyện ủy;
- Thanh tra huyện;
- Lưu: VT, TTH, TNT.

CHỦ TỊCH



Kiều Tấn Thịnh

Phụ lục 01:
DANH SÁCH NGƯỜI CÓ NGHĨA VỤ KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM, NĂM 2024
(THUỘC THẨM QUYỀN KIỂM SOÁT CỦA THANH TRA TỈNH)

(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngày/01/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Số tờ	Số trang
1.	Lê Thị Nhật Anh	Thanh tra viên	Thanh tra huyện	03	05
2.	Nguyễn Thị Ý Nhi	Phó Trưởng ban phụ trách	Ban Quản lý công trình công cộng và quản lý chợ (thuộc Phòng Kinh tế và Hạ tầng)	06	06
3.	Lê Thị Mỹ Linh	Trưởng Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế huyện	03	06
4.	Lê Thị Minh Trang	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	Trung tâm Y tế huyện	03	06
5.	Lê Văn Thuộc	Trưởng phòng Tổ chức hành chính	Trung tâm Y tế huyện	03	06
6.	Nguyễn Ngọc Toàn	Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	Trung tâm Y tế huyện	03	06
7.	Hoàng Thị Kim Chi	Phó Trưởng phòng Tổ chức hành chính	Trung tâm Y tế huyện	05	10
Tổng cộng:				26	45

Phụ lục 02:
DANH SÁCH NGƯỜI CÓ NGHĨA VỤ KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG, NĂM 2024
(THUỘC THẨM QUYỀN KIỂM SOÁT CỦA THANH TRA TỈNH)
(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngày/01/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Số tờ	Số trang
1.	Lê Minh Thanh Thanh	Chuyên viên	Phòng Nội vụ	02	03
2.	Trịnh Văn Thịnh	Chuyên viên	Phòng Nội vụ	02	03
3.	Phương Ái Thi	Chuyên viên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	02	03
4.	Quảng Thị Đức Tâm	Chuyên viên	Phòng Tư pháp	02	03
5.	Mai Thị Phương Thảo	Phó Trưởng khoa phụ trách Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	Trung tâm Y tế huyện	03	05
6.	Nguyễn Hữu Thành	Phó Trưởng khoa phụ trách Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	Trung tâm Y tế huyện	02	04
7.	Nguyễn Thị Vân	Điều dưỡng trưởng Khoa Liên chuyên khoa	Trung tâm Y tế huyện	02	04
8.	Nguyễn Thị Anh Luận	Hộ sinh trưởng Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	Trung tâm Y tế huyện	02	04
9.	Nguyễn Thị Mai Hương	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	UBND xã Lương Sơn	03	06
10.	Nguyễn Thị Bích Thủy	Công chức Văn phòng - Thống kê	UBND thị trấn Tân Sơn	02	03
11.	Nguyễn Huy Thành	Công chức Địa chính - Nông	UBND thị trấn Tân Sơn	02	03

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Số tờ	Số trang
		ngành - Xây dựng và Môi trường			
12.	Mai Văn Vũ	Chỉ huy trưởng BCHQS thi trấn	UBND thị trấn Tân Sơn	02	03
13.	Nguyễn Bá Lâm	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	UBND xã Quảng Sơn	02	04
14.	Nghiêm Hồng Thạnh	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	UBND xã Ma Nới	02	03
15.	Phạm Thị Dung	Công chức Văn phòng - Thống kê	UBND xã Nhơn Sơn	02	03
16.	Nguyễn Phúc Anh	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	UBND xã Nhơn Sơn	02	03
17.	Nguyễn Thị Phương Nhạn	Công chức Tài chính - Kế toán	UBND xã Nhơn Sơn	02	03
Tổng cộng:				36	60

Phụ lục 03:
DANH SÁCH NGƯỜI CÓ NGHĨA VỤ KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU, NĂM 2024
(THUỘC THẨM QUYỀN KIỂM SOÁT CỦA THANH TRA TỈNH)
(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngày/01/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Số tờ	Số trang
1.	Huỳnh Minh Lâm	Phó Trưởng Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế huyện	02	04
2.	Đỗ Văn Thiện	Phó Trưởng Khoa ngoại	Trung tâm Y tế huyện	03	05
3.	Trần Vũ Hoài Phong	Phó Trưởng Khoa Hồi sức cấp cứu	Trung tâm Y tế huyện	02	04
4.	Pu Pu Cường	Phó Trưởng Khoa Nhiễm	Trung tâm Y tế huyện	02	04
5.	Nguyễn Thị Việt	Phó Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán	Trung tâm Y tế huyện	03	05
6.	Trần Văn Anh	Kỹ thuật viên trưởng Khoa xét nghiệm - chẩn đoán hình ảnh	Trung tâm Y tế huyện	03	05
7.	Trần Thị Kim Dung	Trưởng Trạm Y tế xã Ma Nời	Trung tâm Y tế huyện	03	05
8.	Nguyễn Thị Thanh Hồng	Trưởng Trạm Y tế xã Hoà Sơn	Trung tâm Y tế huyện	03	06
9.	Đình Trung Điệp	Trưởng Trạm Y tế xã Mỹ Sơn	Trung tâm Y tế huyện	02	04
10.	Nguyễn Thị Hằng	Trưởng Trạm Y tế xã Lương Sơn	Trung tâm Y tế huyện	03	05
11.	Đạo Văn Thụy	Trưởng Trạm Y tế xã Nhơn Sơn	Trung tâm Y tế huyện	02	04
12.	Trần Thị Mỹ Lệ	Phó phụ trách Trạm Y tế xã Lâm Sơn	Trung tâm Y tế huyện	03	05
13.	Hồ Thị Thuỷ Liên	Phó phụ trách Trạm Y tế xã Quảng Sơn	Trung tâm Y tế huyện	02	04

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Số tờ	Số trang
14.	Trần Đức Huy	Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	UBND xã Lâm Sơn	02	04
15.	Lê Nguyên	Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	UBND xã Lâm Sơn	02	04
16.	Nguyễn Thị Ngọc Hải	Công chức Văn phòng - Thống kê	UBND xã Lâm Sơn	02	04
17.	Nguyễn Tấn Vương	Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	UBND xã Lâm Sơn	02	04
18.	Phạm Thị Thịnh	Công chức Tài chính - Kế toán	UBND xã Lâm Sơn	02	04
19.	Đậu Nam Hải	Công chức Văn phòng - Thống kê	UBND thị trấn Tân Sơn	03	06
20.	Trần Thị Ánh Nguyệt	Công chức Tài chính - Kế toán	UBND xã Quảng Sơn	03	05
21.	Đặng Hồng Sơn	Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	UBND xã Quảng Sơn	02	04
22.	Huỳnh Thị Diễm Lê	Công chức Tài chính - Kế toán	UBND xã Ma Nới	02	04
23.	Ma Hy Tình	Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự xã	UBND xã Ma Nới	02	04
24.	Trương Thị Luyên	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	UBND xã Ma Nới	02	04
25.	Trần Văn Khang	Công chức Văn hoá - Xã hội	UBND xã Ma Nới	02	04
26.	Va Ri Nhông Thị Tâm	Công chức Văn phòng - Thống kê	UBND xã Ma Nới	02	04
27.	Bộ Alê Thị Hoan	Công chức Văn hoá - Xã hội	UBND xã Ma Nới	02	04
28.	Lê Tự Về	Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	UBND xã Mỹ Sơn	02	04
29.	Trương Nguyễn Minh	Công chức Địa chính - Nông nghiệp -	UBND xã Mỹ Sơn	02	04

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Số tờ	Số trang
	Tuệ	Xây dựng và Môi trường			
30.	Thành Phú Nhuận	Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự xã	UBND xã Nhơn Sơn	02	04
31.	Huỳnh Thị Ánh Nguyệt	Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	UBND xã Nhơn Sơn	02	03
32.	Phạm Thị Huyền Trân	Công chức Văn phòng - Thống kê	UBND xã Nhơn Sơn	02	04
33.	Nguyễn Trương Ngọc Phú	Công chức Văn hoá - Xã hội	UBND xã Nhơn Sơn	02	04
Tổng cộng:				75	142